

CTCP Truyền thông VMG

Ngày 31/12/2025	11,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	5.7%	8.8%

DT thuần Q4/25
232
tỷ VNĐ
QoQ: ▼85.0 -26.7%
YoY: ▼234 -50.2%

LN thuần Q4/25
-0.91
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.99 -118%
YoY: ▼6.79 -115%

LN sau thuế Q4/25
-0.79
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.79 -120%
YoY: ▼5.42 -117%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
2.2%
YoY: +/-▲ 0.9%

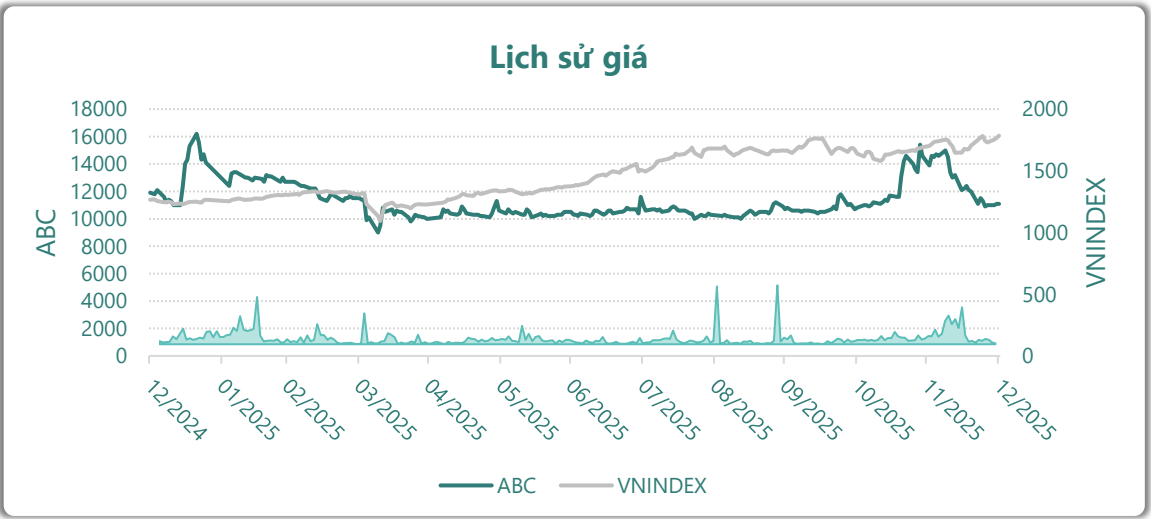
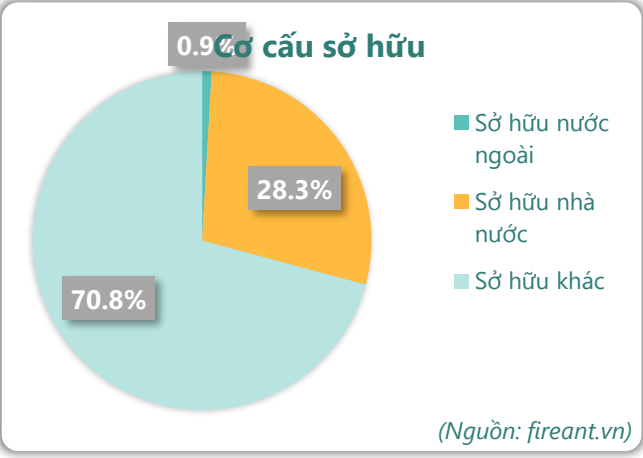
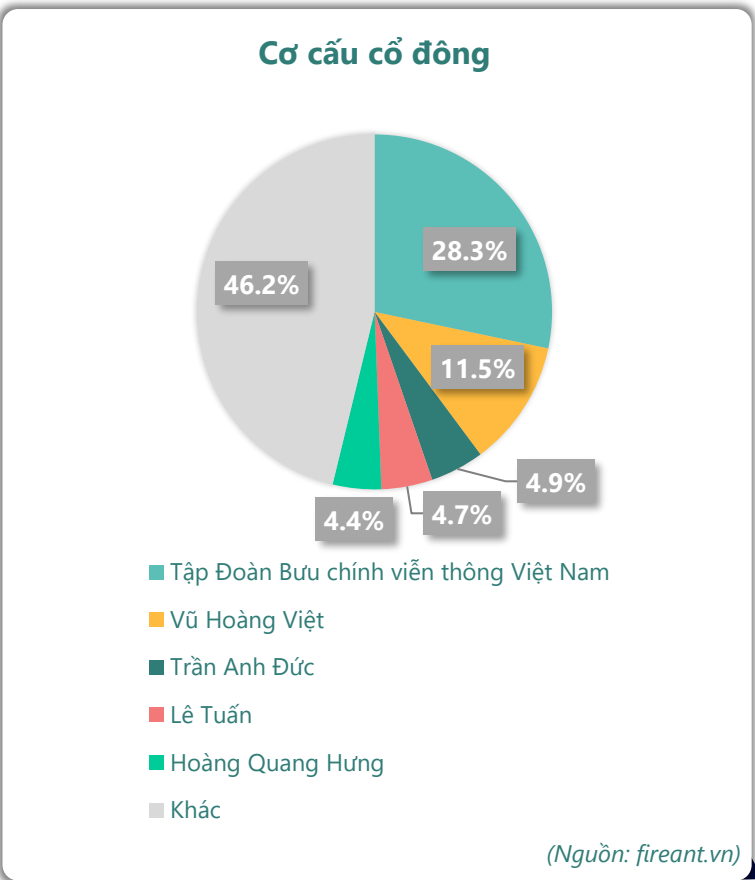
ROE 2025
2.2%
YoY: +/-▲ 0.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,000 - 16,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	226
Số lượng CPLH (CP)	20,389,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	118,370
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.17
EPS	533
P/E	20.8

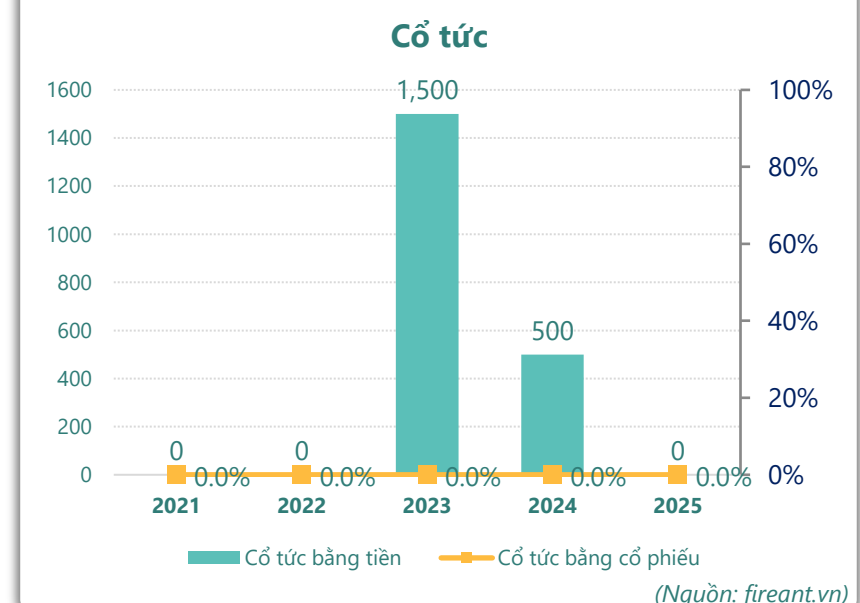
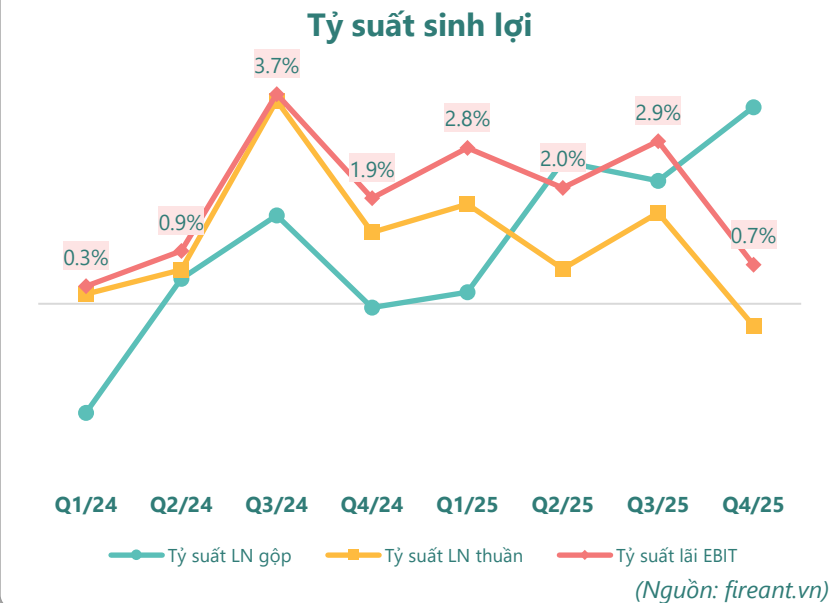
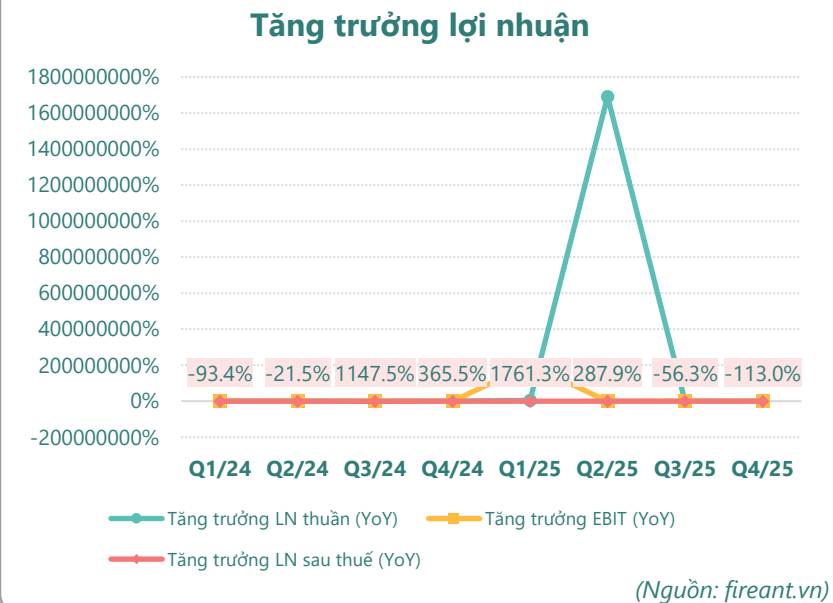
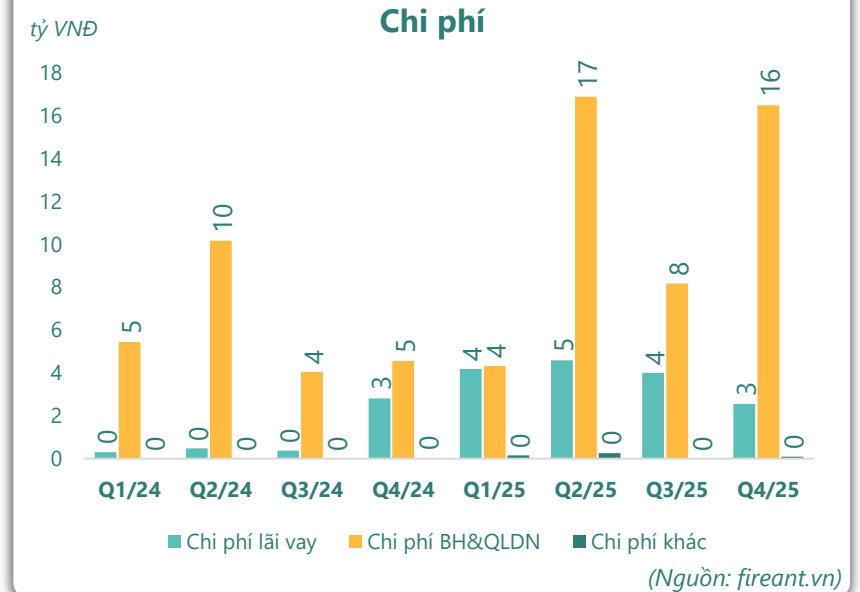
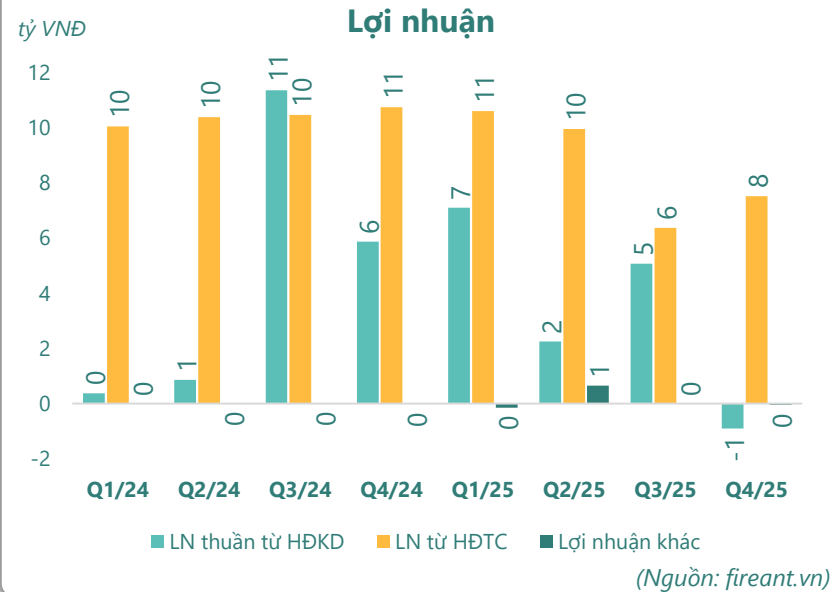
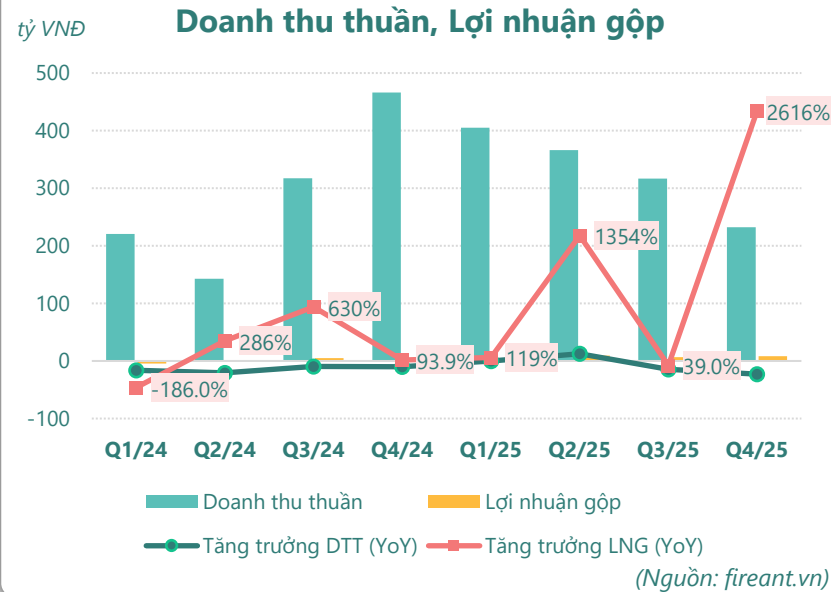
DT thuần 2025
1,320
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 173 15.1%

LN thuần 2025
13.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.50 22.7%

LN sau thuế 2025
10.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.87 54.7%



KẾT QUẢ KINH DOANH

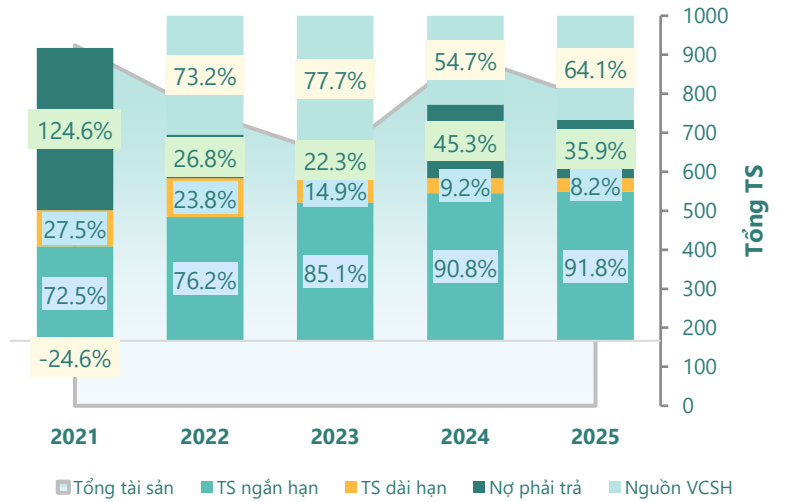


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

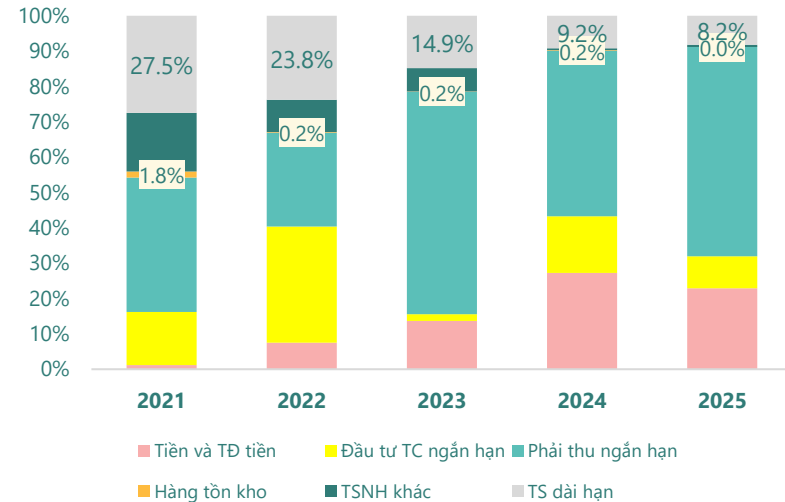
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

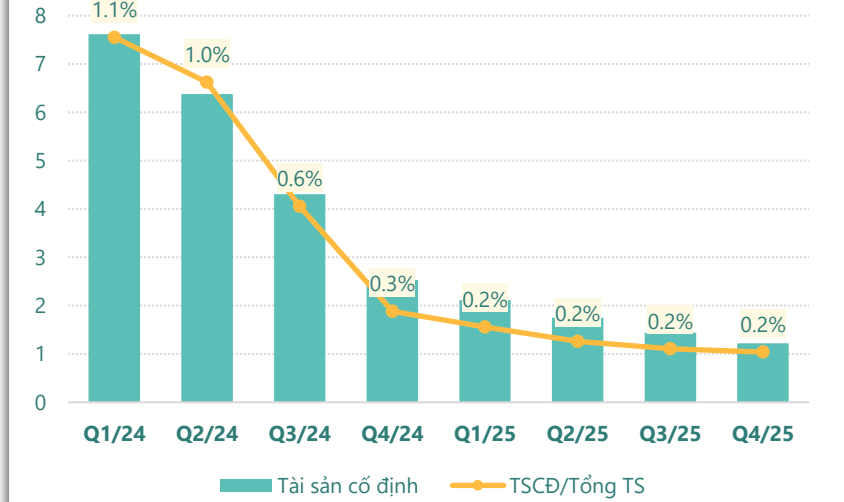
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

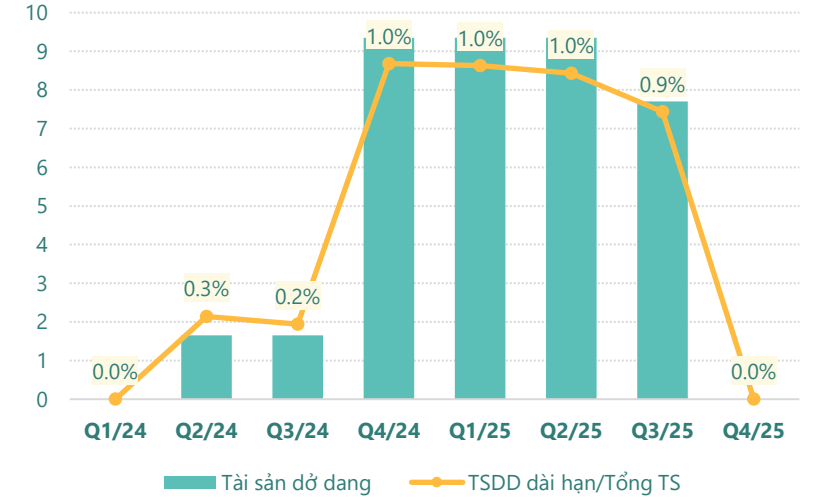
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

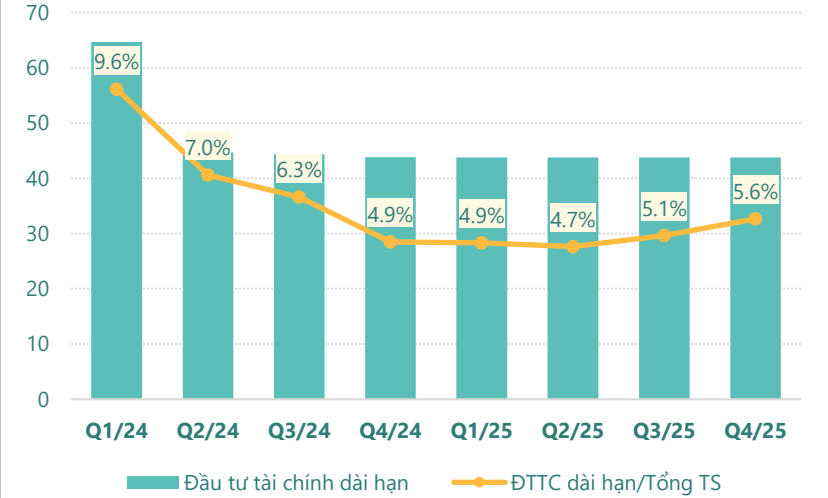
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

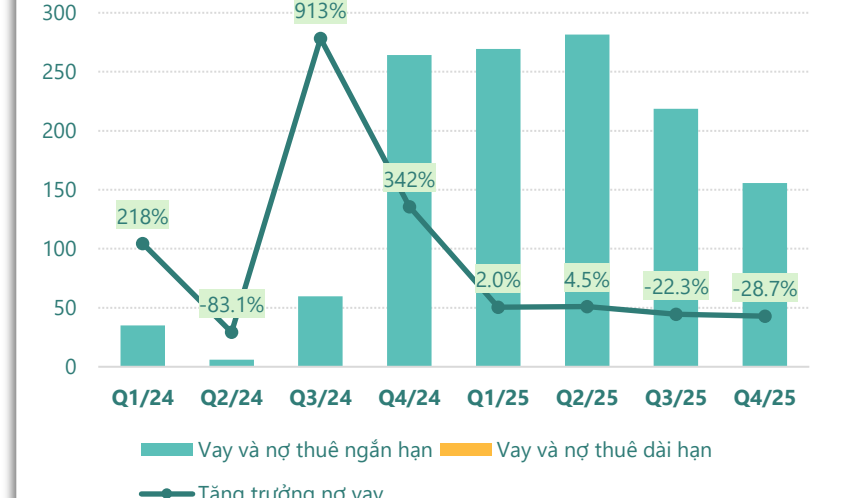
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

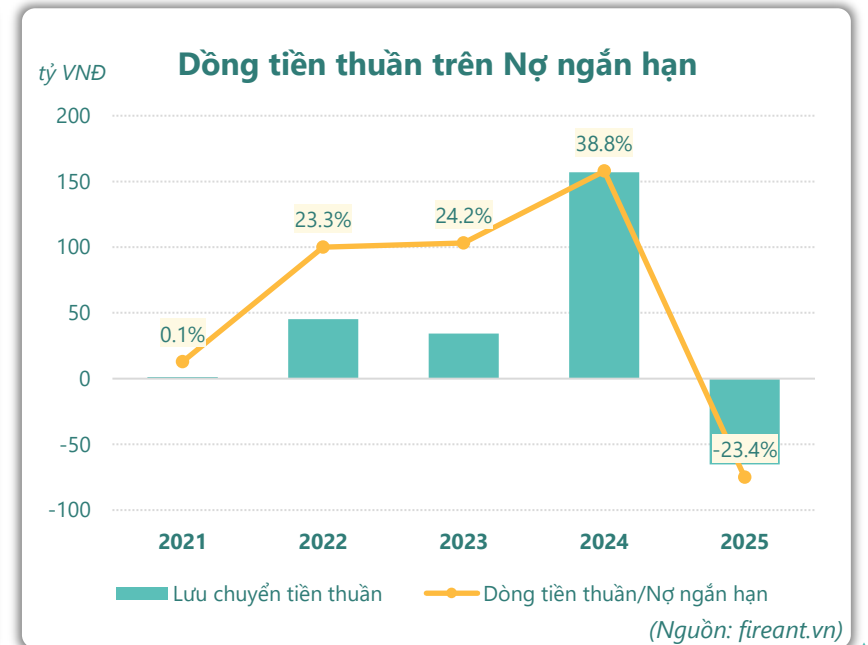
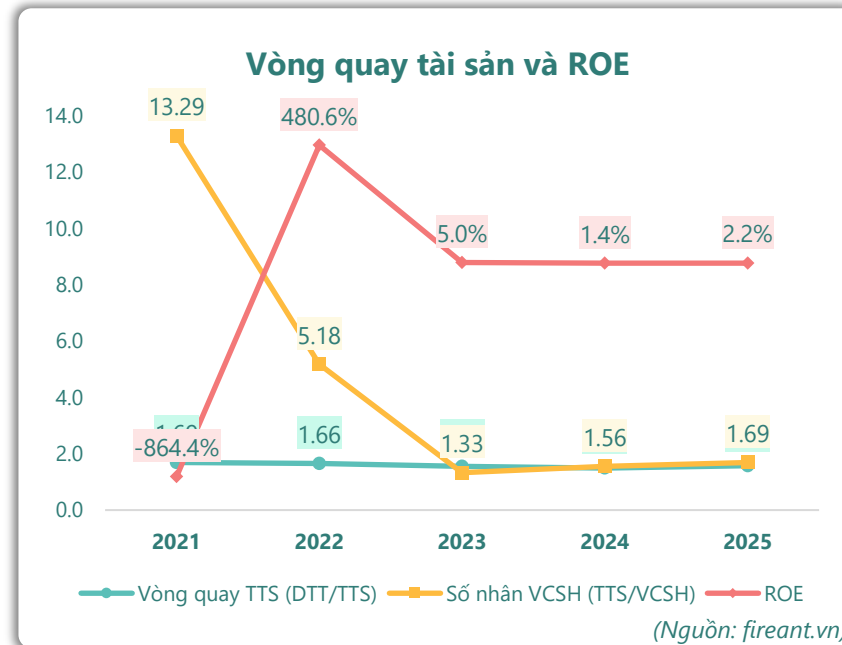
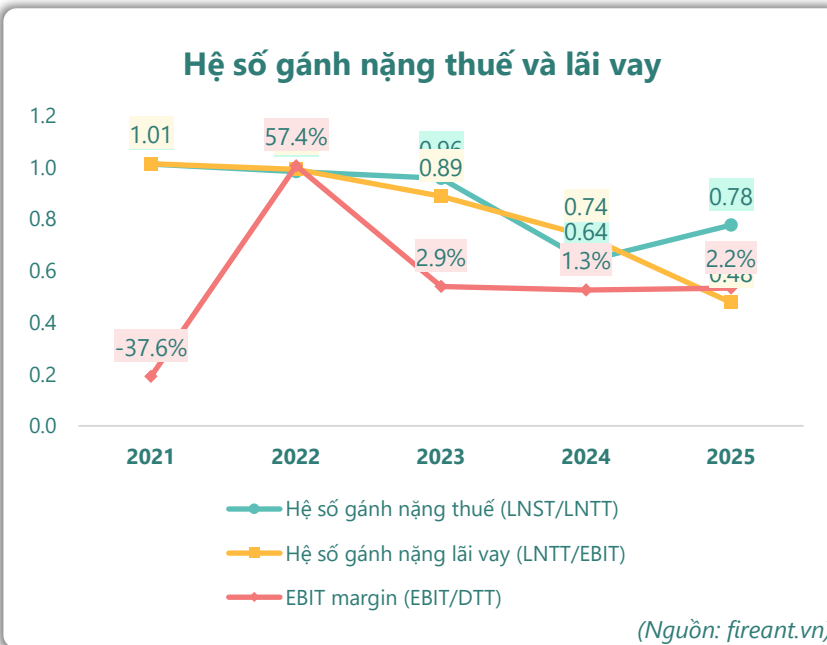
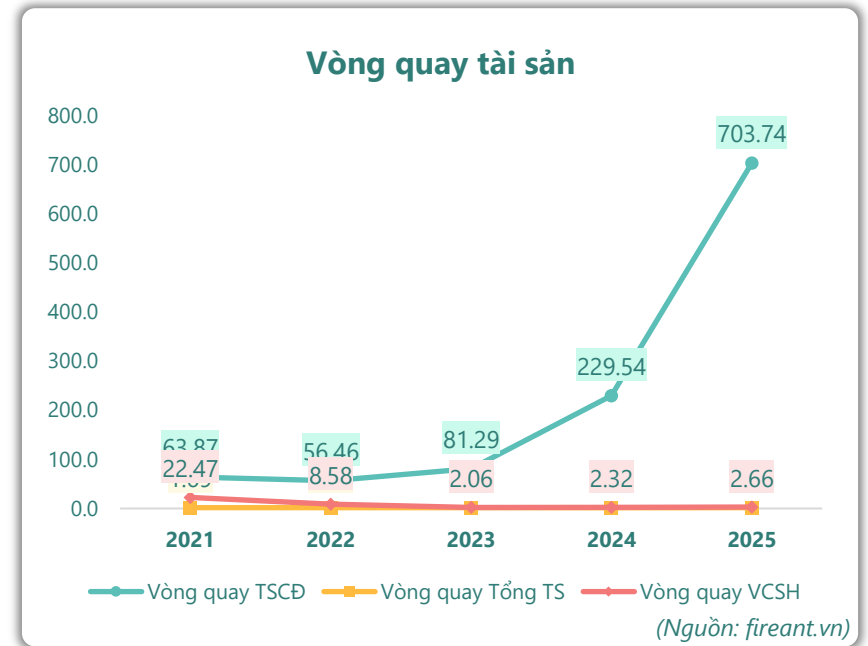
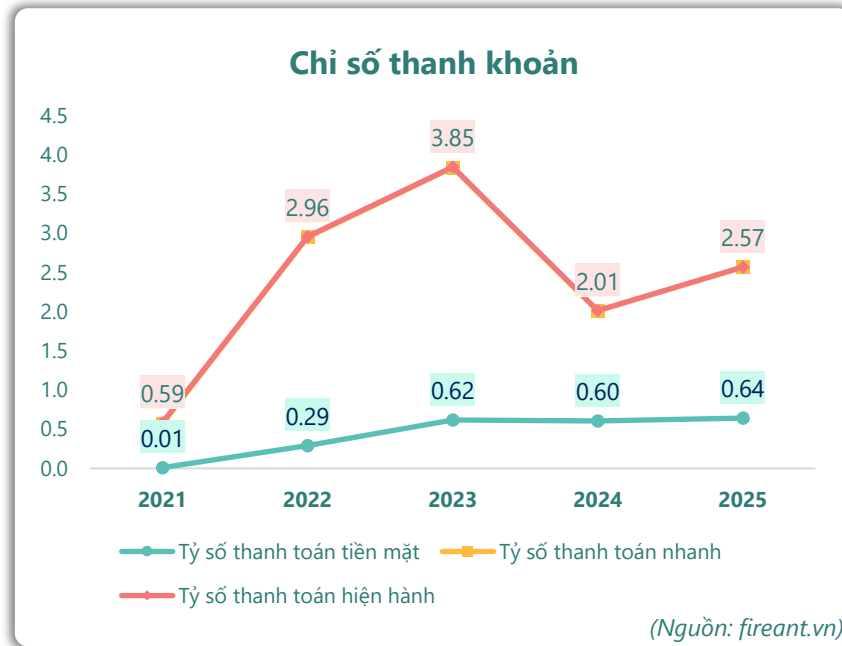
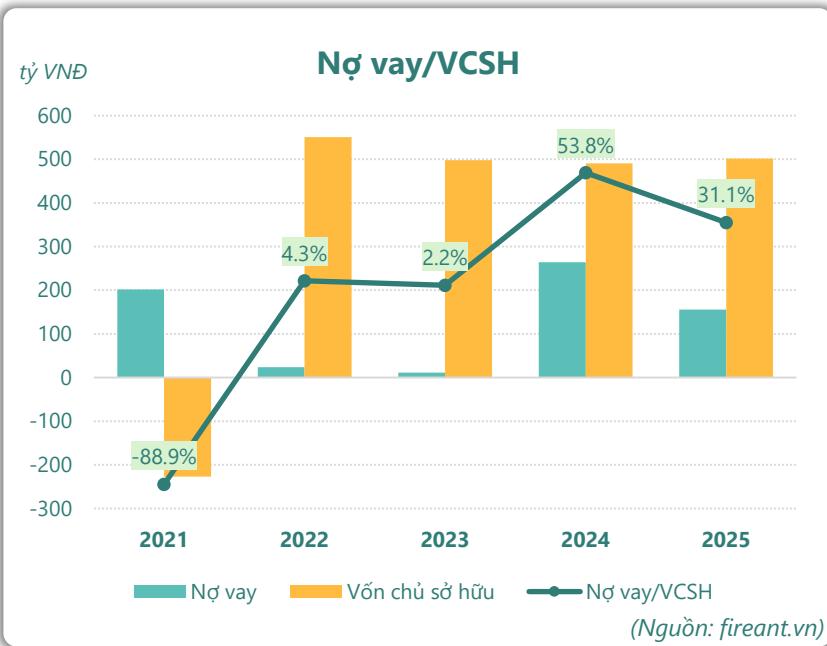
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	232	466	-50.2%	1,320	1,147	15.1%
Giá vốn hàng bán	224	467	-52.0%	1,296	1,146	13.0%
Lợi nhuận gộp	8.06	-0.32	2619%	24.9	1.01	2374%
Doanh thu HĐTC	10.1	13.8	-26.7%	49.9	46.3	7.8%
Chi phí TC	2.58	3.05	-15.4%	15.4	4.62	234%
Chi phí lãi vay	2.56	2.82	-9.3%	15.3	3.97	287%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.10	0.01	20900%	10.3	2.67	287%
Chi phí QLDN	14.4	4.55	216%	35.6	29.0	22.7%
LN thuần từ HĐKD	-0.91	5.88	-115%	13.5	11.0	22.7%
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.01	-375%	0.46	-0.02	2168%
LN trước thuế	-0.95	5.87	-116%	14.0	11.0	27.1%
Lợi nhuận sau thuế	-0.79	4.63	-117%	10.9	7.03	54.7%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.79	4.63	-117%	10.9	7.03	54.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.4	-10.6	-57.2	-4.72	9.70	9.58
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-77.9	-43.9	-117	82.6	10.6	110
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	53.9	195	5.11	12.0	-62.8	-62.9
Tiền đầu kỳ	118	105	245	75.3	165	123
Lưu chuyển tiền thuần	-13.6	140	-169	89.9	-42.5	56.7
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	-0.01	0.02	0.03	-0.05	0.00
Tiền cuối kỳ	105	245	75.3	165	123	179

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	783	897	-12.7%
Tài sản ngắn hạn	719	815	-11.8%
Tiền và tương đương tiền	179	245	-26.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.6	143	-50.8%
Phải thu ngắn hạn	463	420	10.4%
Hàng tồn kho	0.05	1.41	-96.2%
Tài sản ngắn hạn khác	5.28	5.53	-4.5%
Tài sản dài hạn	64.1	82.3	-22.1%
Phải thu dài hạn	1.67	1.79	-6.7%
Tài sản cố định	1.22	2.53	-51.8%
Bất động sản đầu tư	17.0	18.0	-5.8%
Tài sản dở dang	0	9.35	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	43.8	43.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.46	6.77	-93.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	281	406	-30.8%
Nợ ngắn hạn	280	405	-31.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	156	264	-41.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.1	19.3	-47.5%
Nợ dài hạn	1.54	1.26	21.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	502	491	2.2%
Vốn chủ sở hữu	502	491	2.2%
Vốn điều lệ	204	204	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

